

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 22 - 7 - 2024  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp con  
chung”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thanh Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lý Và Dưỡng và ông Nguyễn Chánh Bôn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Quang Thảo - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 506/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số A, khu G, ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Anh Trần Quang T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số A, khu G, ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:**

Chị và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12/2018 ngày 27/02/2018. Quá trình chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7/2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, anh T ghen tuông vô cớ nên chị và anh T không còn sống chung từ tháng 7/2023 cho đến nay. Nay không còn tình cảm, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quang T.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/9/2018.

Khi ly hôn, chị **M** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Trung cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung:

- 01 xe mô tô Yamaha Sirius biển số H6-05079 giá trị khoảng 15.000.000 đồng, giấy đăng ký xe đứng tên chị hiện do anh **T** đang quản lý, sử dụng.

- 01 cây vàng 24K, trị giá khoảng 50.000.000 đồng

Chị yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  tài sản chung cụ thể: Chị yêu cầu được quyền sở hữu 01 xe mô tô Yamaha Sirius biển số H6-05079 và số tiền 25.000.000 đồng; chị đồng ý thanh toán số tiền 7.500.000 đồng; tổng cộng mỗi người được nhận 32.500.000 đồng.

Ngày 27/5/2024 chị có đơn yêu cầu rút một phần đơn khởi kiện không tranh chấp chia tài sản chung vợ chồng và không yêu cầu anh **Trung cấp d** nuôi con chung.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn anh Trần Quang T**: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh **T** vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của anh **T**.

- **Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa**:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và giao, tổng đạt văn bản tố tụng: Tòa án xác định và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống vợ chồng chị **M** anh **T** đã lâm vào mức trầm trọng. Hiện nay vợ chồng không sống cùng nhau, không còn yêu thương, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **M**.

Về con chung: Giao con chung cho chị **M** nuôi dưỡng, tạm thời anh **T** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

Về án phí: Chị **M** phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Quang T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị M, anh T.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Quang T có hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Quang T đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/02/2018 là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật bảo vệ.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Do cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống, chị M anh T hiện nay không còn chung sống với nhau, phù hợp với nội dung xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân của chị M và anh T. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị M, anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/9/2018. Cháu K hiện đang sống cùng mẹ và được chị M chăm sóc tốt; anh T không đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, không cung cấp tài liệu chứng cứ về điều kiện, khả năng nuôi dưỡng con chung.

Tại đơn khởi kiện ngày 29/8/2023, chị M yêu cầu anh Trung cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Ngày 27/5/2024, chị M có đơn rút một phần đơn khởi kiện, chị không yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con chung nữa, xét đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị là phù hợp nên chấp nhận. Do đó giao con chung cho chị M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

[2.4] Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 xe mô tô Yamaha Sirius biển số H6-05079 giá trị khoảng 15.000.000 đồng; 01 cây vàng 24K, trị giá khoảng 50.000.000 đồng. Ngày 27/5/2024 chị có đơn yêu cầu rút yêu cầu chia tài sản chung, do đó đình chỉ giải quyết yêu cầu về chia tài sản chung.

[2.5] Về nợ chung: Không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí. Trả lại cho chị Nguyễn Thị M số tiền 812.000 đồng tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung.

[4] Xét Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 217, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 19, 51, 56, 68, 69, 71, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Trần Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Trần Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/9/2018 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị M không yêu cầu nên tạm thời anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con...)

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung.

4. Về nợ chung: Không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp theo biên lai số 0014008 ngày 06/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được trừ vào số tiền án phí chị M phải chịu. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị M số tiền 812.000 đồng tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung (biên lai số 0014009 ngày 06/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán).

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Quang T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thanh Thái**